TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh.

Bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Ngọc Á**, sinh năm 1993,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị Á uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Ngọc T,** sinh năm 1993; Địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Đình T1**, sinh năm 1991,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Hoàng Quang K**, sinh năm 1967 và bà **Vũ Thị T2,** sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chị Á, anh T1, ông K và bà T2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Ngọc Á trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đình T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/02/2018. Sau khi kết hôn, anh chị sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 12/2022, chị sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Từ khi chị sang Đài Loan thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng xa cách nên ít nói chuyện và không còn giữ liên lạc, nguyên nhân là do anh T1 không còn quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Hoàng Vũ Thiệu M, sinh ngày 04/8/2018 và cháu Hoàng Vũ Minh A, sinh ngày 24/12/2020. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng với ông bà nội. Khi ly hôn chị đề nghị giao cháu M và cháu A cho anh Hoàng Đình T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Trong thời gian anh T1 ở nước ngoài, giao 02 cháu cho ông bà nội là ông Hoàng Quang K và bà Vũ Thị T2, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương thay anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi anh T1 về nước. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T1 là 1.500.000 đồng/tháng/con (tổng cả 02 con là 3.000.000 đồng/tháng).

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do chị Á không cung cấp được địa chỉ của anh T1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh T1. Ông Hoàng Quang K và bà Vũ Thị T2 (là bố mẹ đẻ của anh T1) trình bày: Anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông bà qua điện thoại. Tuy nhiên, ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Toà án yêu cầu nhiều lần. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết. Anh T1 đã biết việc chị Á yêu cầu giải quyết ly hôn và anh có thông báo cho ông bà biết quan điểm của anh là, do vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Á; Về con chung, anh T1 cũng xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung, nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Vũ Thiệu M, sinh ngày 04/8/2018 và Hoàng Vũ Minh A, sinh ngày 24/12/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh T1 chưa về nước thì anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ (là ông bà) trông nom chăm sóc giúp. Anh không yêu cầu chị Á cấp dưỡng nuôi con

chung, nhưng chị Á có nguyện vọng cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng/con (tổng là 3.000.000 đồng/tháng), anh hoàn toàn đồng ý. Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết. Ông bà cũng đồng ý nhận ủy quyền của anh T1 trông nom giúp 02 cháu cho đến khi anh T1 về nước, gia đình ông bà cũng hoàn toàn nhất trí với đơn đề nghị ly hôn của chị Á.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Á có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K và bà T2 có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Vũ Ngọc Á ly hôn anh Hoàng Đình T1; Giao cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Vũ Thiệu M, sinh ngày 04/8/2018 và Hoàng Vũ Minh A, sinh ngày 24/12/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng của chị Á là 1.500.000 đồng/tháng/con (tổng là 3.000.000 đồng/tháng). Trong thời gian anh T1 không ở trong nước, giao cháu M và cháu A cho ông Hoàng Quang K và bà Vũ Thị T2 thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Á phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Ngọc Á khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Hoàng Đình T1. Anh T1 hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Á không cung cấp được địa chỉ của anh T1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ của anh T1. Gia đình anh T1 xác định anh T1 đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ

thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ anh T1 cho Toà án. Tuy nhiên, gia đình anh T1 chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Toà án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho anh T1 được biết. anh T1 không có văn bản gửi về cho Toà án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị Á vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xử vắng mặt, ông K và bà T2 có quan điểm xin vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Á, anh T1, ông K và bà T2.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Ngọc Á và anh Hoàng Đình T1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/02/2018, nên có hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 12/2022, chị Á sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Từ khi chị Á sang Đài Loan thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng xa cách, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị Á yêu cầu ly hôn, anh T1 cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Á và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Á được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Á và anh T1 có 02 con chung là Hoàng Vũ Thiệu M, sinh ngày 04/8/2018 và Hoàng Vũ Minh A, sinh ngày 24/12/2020. Hiện nay cả 02 cháu đang ở cùng với ông bà nội. Khi ly hôn chị Á đề nghị giao cháu M và cháu A cho anh Hoàng Đình T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Anh T1 cũng nhất trí tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, trong thời gian anh T1 ở nước ngoài, giao 02 cháu cho ông bà nội là ông Hoàng Quang K và bà Vũ Thị T2, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương thay anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi anh T1 về nước. Ông K và bà T2 cũng nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc con cho anh T1 trong thời gian anh không ở trong nước. Chị Á tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T1 là 1.500.000 đồng/tháng/con, anh T1 nhất trí. Do đó, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh T1 và chị Á, giao cả 02 con chung cho anh T1 tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị Á là 1.500.000 đồng/tháng/con (tổng là 3.000.000

đồng/tháng) cùng anh T1. Trong thời gian anh T1 không ở trong nước, giao cháu M và cháu A cho ông Hoàng Quang K và bà Vũ Thị T2 thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước.

Chị Vũ Ngọc Á được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Á là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; và do Tòa án ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên chị Á không phải chịu án phí cấp dưỡng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Ngọc Á được ly hôn anh Hoàng Đình T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Đình T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Vũ Thiệu M, sinh ngày 04/8/2018 và Hoàng Vũ Minh A, sinh ngày 24/12/2020, thời gian từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Á cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T1 là 1.500.000 đồng/tháng/con. Trong thời gian anh T1 không ở trong nước, giao cháu M và cháu A cho ông Hoàng Quang K và bà Vũ Thị T2 (là bố mẹ đẻ anh T1) thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước.

Chị Vũ Ngọc Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Vũ Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và

gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000547 ngày 25/3/2024 (chị Á đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Á, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Ông K, bà T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. /.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường